

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 10-6-2021
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thu Quỳnh

Bà Vũ Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 45/TB-TA ngày 10/5/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 183/2021/QĐST-DS ngày 26/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Đăng K; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần X; địa chỉ trụ sở: Số 325 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Hoàng Doãn B, là Giám đốc - Công ty Cổ phần X.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Giang Mạnh H; nơi cư trú: Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền số 01/2021/UQ-ST ngày 29/3/2021; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu D; nơi cư trú: Thôn G, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Vũ Đăng K trình bày:

Tháng 02 năm 2012, ông Vũ Đăng K được ông Nguyễn Hữu D là (thông gia với ông) giới thiệu và được nhận làm nhân công xây dựng tại Công ty Cổ phần X (viết tắt là Công ty). Do tin tưởng, ông Vũ Đăng K và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Doãn B đã thống nhất thỏa thuận miệng với nội dung công việc là: Công ty thuê ông Vũ Đăng K xây dựng nhà 02 tầng, 06 phòng tại Trường THCS H (viết tắt là Trường học); hai bên không ký hợp đồng xây dựng. Quá trình thực hiện công trình trên theo thỏa thuận, ông K đã thuê nhân công và trả tiền lương hàng tháng cho người lao động. Tháng 12/2012 công trình hoàn thiện, ông K bàn giao cho Công ty, nhà trường sử dụng từ tháng 12/2012 cho đến nay.

Ngày 22/11/2013, ông K và Công ty đã nghiệm thu công trình trên theo Bản thanh quyết toán khối lượng công việc. Bản quyết toán này do ông Hoàng Doãn B là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty trực tiếp ký, có dấu của Công ty tại văn bản xác nhận. Bản quyết toán trên có thể hiện các nội dung:

- Quyết toán khối lượng công việc xây dựng nhà 2 tầng Trường THCS H với hình thức thanh toán theo m² xây dựng khoán gọn theo đơn giá xây dựng cơ bản 550.000 đồng/ m²;

- Xây thu hồi + tránh mái tầng 2: nền tầng 3 để lợp tôn chống nắng tính theo khối lượng.

- Tổng diện tích xây dựng nhà 02 tầng 768,6 m² (36,6m x 10,5 m x 2 tầng) là 422.730.000 đồng;

- Ô sân mặt trước 11,2 m² x 550.000 đồng/ m² = 6.160.000 đồng;

- Xây thu hồi tường 110: 20m² x 400.000 đồng/ m² = 8.000.000 đồng;

- Trát các hồi 150 m² x 40.000 đồng/ m² = 6.000.000 đồng.

- Tổng số tiền các hạng mục là: 442.730.000 đồng.

Theo đó, ngày 12/02/2015, Công ty đã trả cho ông K 100.000.000 đồng, số tiền còn lại 342.730.000 đồng mặc dù ông K nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty không trả tiền. Vì vậy, ông Vũ Đăng K khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Cổ phần X phải trả cho ông Vũ Đăng K số tiền nợ gốc chưa thanh toán của công trình xây dựng nhà 2 tầng Trường THCS H theo Bản thanh quyết toán khối lượng công việc đã được hai bên ký ngày 22/11/2013 là 342.730.000 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần X phải trả cho ông Vũ Đăng K khoản tiền lãi tạm tính từ tháng 2/2014 cho đến tháng 3/2021 với lãi suất 1%/tháng là 294.747.800 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, việc Công ty có ý kiến cho rằng số tiền còn nợ 342.730.000 đồng này Công ty đã thanh toán cho ông Nguyễn Hữu D vào ngày 06/02/2015 là 1.000.000.000 đồng, có Giấy biên nhận để trả cho ông K là không đúng. Ông K khẳng định, ông K chưa nhận được số tiền Công ty còn nợ như trên từ bất kỳ ai. Việc Công ty và ông Nguyễn Hữu D ký Giấy biên nhận số tiền 1.000.000.000 đồng như Công ty trình bày hoàn toàn không liên quan gì đến ông K và không liên quan gì đến công trình xây dựng tại trường học do ông K đã thực hiện. Nên ông K đề nghị Tòa án tuyên trách nhiệm Công ty phải trả cho ông K số tiền còn nợ chưa trả và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Giang Mạnh Hùng trình bày:

Năm 2012, Công ty trúng gói thầu xây dựng nhà chức năng và các công trình phụ trợ Trường THCS H. Theo đó, Công ty đã triển khai việc thi công và công trình được xây dựng xong năm 2015, ngày 21/5/2015 được bàn giao và sử dụng. Ngày 14/12/2017, công trình trên được Ban Quản lý dự án và Công ty quyết toán, thanh lý hợp đồng.

Công ty xác nhận Bản thanh quyết toán khối lượng công việc xây dựng nhà 2 tầng Trường THCS H được ký giữa ông Vũ Đăng K và Công ty vào ngày 22/11/2013 là đúng, chữ ký tại Bản quyết toán trên là của ông Hoàng Doãn B, có đóng dấu xác nhận của Công ty. Tuy nhiên, quan điểm của Công ty thì Bản thanh quyết toán ngày 22/11/2013 không phải biên bản đối chiếu công nợ với ông K, nên Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đăng K. Bởi vì:

Công ty chỉ giao công việc xây công trình nhà 2 tầng Trường THCS H cho ông Nguyễn Hữu D là tổ trưởng tổ thi công thực hiện, không giao hoặc thỏa thuận gì với ông Vũ Đăng K về việc thi công công trình trên. Khi hoàn thiện, Công ty đã thanh toán khối lượng, công việc thi công trên với ông D thể hiện tại: Giấy nhận tiền ngày 06/02/2015, Công ty đã ứng tiền cho ông Nguyễn Hữu D 1.000.000.000 đồng để thanh toán các công trình của Công ty thực hiện. Việc giao nhận tiền có ký nhận, nội dung thể hiện “Ngày 06/02/2015, ông Nguyễn Hữu D đã ứng của chi Thoa 1.000.000.000 đồng” và không ghi cụ thể đây là tiền gì.

Quá trình ông D thi công công trình trên, Công ty xác nhận ngày 12/02/2015 đã ứng cho ông Vũ Đăng K số tiền 100.000.000 đồng để thanh toán công trình nhà 2 tầng, 06 phòng Trường THCS H là đúng, nhưng là ông K nhận thay cho ông D, thực tế ông K không liên quan với Công ty về việc thỏa thuận thi công công trình tại Trường THCS H.

Tại bản tự khai, biên bản giải trình và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu D trình bày:

Ông Nguyễn Hữu D xác nhận, từ năm 2007 đến năm 2015 ông là đội trưởng thi công các công trình của Công ty. Từ năm 2016, ông D chuyển sang làm công tác quản lý trên công trường. Trong thời gian từ 2012 - 2015, ông D hoàn thành 05 công trình thi công với Công ty tại khu vực H, gồm: nhà 2 tầng 12 phòng Trường THCS H; tầng 1 trường mầm non Hòa Nghĩa; trường THCS H; tầng 1 nhà hiệu bộ trường THCS H, nhà 02 tầng Trạm y tế H; nhà 03 tầng Trường cao đẳng xây dựng dạy nghề Kiến An.

Năm 2014, ông D nhiều lần đề nghị với ông Hoàng Doãn B thanh quyết toán các công trình ông D đã thi công, ông D đã trả lương người lao động. Nhưng ông B không quyết toán. Ngày 06/02/2015, ông D đã ứng của chị Thoa (vợ ông B) số tiền 1.000.000.000 đồng, có ký sổ ứng tiền là đúng nhưng số tiền này chỉ tạm ứng để trả 01 công trình chứ không phải các công trình do ông thi công. Từ đó đến nay, ông D và Công ty chưa thanh quyết toán các công trình khác. Tháng 11/2020, ông D nghỉ việc tại Công ty.

Đối với việc xây dựng công trình nhà 02 tầng 06 phòng tại Trường THCS H thì: Thời điểm đó, ông B nhờ ông D tìm người thi công nên ông D giới thiệu ông K. Việc ông K và ông B trực tiếp thỏa thuận công việc, giá thi công công trình nhà 02 tầng 06 phòng tại Trường THCS H như thế nào thì ông D không rõ. Vì vậy, Bản thanh quyết toán khối lượng công việc ký ngày 22/11/2013 giữa ông K và Công ty do ông B đại diện, ông D hoàn toàn không biết, không liên quan gì đối với công trình nhà 02 tầng 06 phòng Trường THCS H.

Vì vậy, trách nhiệm thanh toán quyết toán công trình nhà 02 tầng 06 phòng tại trường THCS H là của Công ty. Số tiền 1.000.000.000 đồng, ông D tạm ứng của bà Thoa vợ ông B là việc Công ty nợ tiền ông D đã thi công 05 công trình tại khu vực H với Công ty, chứ không phải tiền Công ty đưa cho ông D để thanh toán tiền với ông K đã thi công công trình nhà 2 tầng, 06 phòng Trường THCS H như ý kiến Công ty đã trình bày, và từ đó đến nay giữa ông và Công ty chưa thanh, quyết toán và chốt nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 569.805.057 đồng, trong đó: Tiền gốc là 342.730.000 đồng; về khoản tiền lãi quá trình giải quyết nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi 1%/tháng, tức 12%/năm. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn rút chỉ yêu cầu bị đơn trả 0,75% tháng, tức 9%/năm, tính từ tháng 2/2014 đến ngày xét xử là 2687 ngày x 9%/năm : 365 = 227.075.057 đồng

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2021/QĐST-DS ngày 26/5/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu D: Xác nhận ngày 06/02/2015 có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng ứng của chị Thoa (vợ ông B) có ký sổ ứng tiền là đúng nhưng số tiền này là tiền Công ty thanh toán nợ 05 công trình ông D đã thi công với Công ty tại khu vực H, chứ không phải tiền thanh toán cho ông K, giữa ông và Công ty chưa thanh, quyết toán và chốt nợ. Trách nhiệm thanh toán quyết toán công trình nhà 02 tầng, 06 phòng Trường THCS H là của Công ty. Ông không liên quan đến công trình nhà 02 tầng, 06 phòng Trường THCS H mà ông Vũ Đăng K thi công.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập chứng cứ trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS 2015; điểm a khoản 1 Điều 688 BLDS 2015; khoản 2 Điều 305, Điều 518, khoản 2 Điều 520, khoản 1 Điều 524 BLDS 2005; Điều 1 Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc: Công ty Cổ phần X phải trả cho ông Vũ Đăng K tổng số tiền là 569.805.057 đồng; cụ thể: Tiền gốc: 342.730.000 đồng; tiền lãi tính từ tháng 2/2014 đến ngày đến ngày xét xử 10/6/2021 với lãi suất 9%/năm là 227.075.057 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 210 BLTTDS và mục 7 phần IV Giải đáp 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 nên trường hợp này được coi là đương sự thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, không cần phải đình chỉ giải quyết về nội dung đương sự rút yêu cầu này. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho ông Vũ Đăng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.339.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Nguyên đơn là ông Vũ Đăng K khởi kiện đề nghị bị đơn là Công ty Cổ phần X phải trả số tiền nợ còn thiếu của công trình xây dựng nhà 2 tầng Trường THCS H, theo Bản thanh quyết toán khối lượng công việc mà các bên đã ký ngày 22/11/2013. Tại Thông báo thụ lý xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng xây dựng. Quá trình giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu đương sự cung cấp và Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ, nên Hội đồng xét xử xác định là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản. Bị đơn có trụ sở tại số 325 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hiệu khởi kiện:

[2] Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là kiện đòi tài sản. Theo quy định của pháp luật, đối với tranh chấp về đòi tài sản thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện; cũng như các bên đương sự không có ý kiến gì về yêu cầu áp dụng thời hiệu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty Cổ phần X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc áp dụng pháp luật:

[4] Việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là công trình đã thi công hoàn thành xong vào tháng 12 năm 2012, thể hiện tại Bản thanh quyết toán công việc ký ngày 22/11/2013. Đây là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực (01/01/2017). Thời điểm nguyên đơn khởi kiện và tại thời điểm xét xử, giao dịch dân sự đang tranh chấp giữa các bên có nội dung và hình thức phù hợp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại các điều với quy định tại Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về pháp luật nội dung:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[5] Tháng 2 năm 2012, ông Vũ Đăng K thi công xây dựng nhà 02 tầng, 06 phòng của Trường THCS H do Công ty là chủ gói thầu xây dựng. Thời điểm nhận thi công, ông K và Công ty Cổ phần X không ký hợp đồng. Đến tháng 12 năm 2012 công trình hoàn thiện, đã bàn giao và sử dụng cho đến nay. Quá trình thi công công trình, những người trực tiếp tiến hành việc xây dựng là các ông Nguyễn Văn Đang, Nguyễn Văn Thiệu, Lưu Phú Chiến xác nhận ông K là người nhận làm công trình và trực tiếp thi công công trình. Theo đó, ngày 22/11/2013, ông K và Công ty đã ký Bản thanh quyết toán khối lượng công việc xây dựng nhà 2 tầng Trường THCS H. Bản thanh quyết toán trên thể hiện toàn bộ khối lượng công việc đã thi công với tổng số tiền các hạng mục ông K đã thực hiện là 442.730.000 đồng, hai bên (ông K và ông B đại diện Công ty) đã ký, có dấu xác nhận của Công ty. Như vậy, cần phải đánh giá mặc dù không lập thành văn bản nhưng thực tế ông K và Công ty có việc trao đổi, thỏa thuận, thống nhất về việc xây dựng công trình tại Trường THCS H trên.

[6] Chủ thể khi ký Bản thanh quyết toán ngày 22/11/2013 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, Bản thanh quyết toán khối lượng công việc xây dựng nhà 2 tầng, 06 phòng Trường THCS H ngày 22/11/2013 là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại các điều 122, 388, 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[7] Nguyên đơn thực hiện xong công việc, đã bàn giao nhà 02 tầng, 06 phòng Trường THCS H cho bị đơn và đơn vị sử dụng từ năm 2013 cho đến nay, các bên không ai có ý kiến về tiến độ, chất lượng công trình. Hơn nữa, công trình đã được thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng ngày 14/12/2017 giữa Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng quận Dương Kinh và Công ty. Ngày 12 tháng 02 năm 2015, ông Vũ Đăng K đã được Công ty trả số tiền 100.000.000 đồng, được thể hiện “ Ông Vũ Đăng K, ứng số tiền Công trình H 100.000.000 đồng”, số tiền còn lại 342.730.000 đồng chưa thanh toán. Bị đơn không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả tiền cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 342.730.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn về thời điểm tính lãi:

[8] Ngày 22/11/2013, giữa ông K và Công ty Cổ phần X hai bên xác nhận Bản thanh quyết toán vào ngày 22/11/2013. Đến ngày 12/02/2015 Công ty đã thanh toán cho ông K 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét: Căn cứ vào Bản thanh quyết toán vào ngày 22/11/2013 đã được xác nhận có ký và đóng dấu của Công ty Cổ phần X, thì thời điểm tính vi phạm lãi phải được tính từ ngày 22/11/2013. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu thời điểm tính lãi từ tháng 2/2014 là thời điểm bị đơn vi phạm tính đến thời điểm xét xử là 2687 ngày. Nên chấp nhận yêu cầu về thời điểm tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc rút một phần lãi suất:

[9] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 210 BLTTDS và mục 7 phần IV Giải đáp 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 nên trường hợp này được coi là đương sự thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, không cần phải đình chỉ giải quyết về nội dung đương sự rút yêu cầu.

[10] Về mức lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả là 0,75% tháng, tức là 9%/năm. Căn cứ quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam hiện đang áp dụng là 9%/năm, tức là 0,75%/tháng. Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, Công ty Cổ phần X phải trả cho ông Vũ Đăng K số tiền nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả là: Nợ gốc là: 342.730.000.000 đồng; nợ lãi tính từ tháng 2/2014 đến ngày 10/6/2021 là 2687 ngày $(342.730.000 \text{ đồng} \times 9\%) : 365 \text{ ngày} = 227.075.000 \text{ đồng}$.

+ Xét đối với yêu cầu của ông Nguyễn Hữu D:

[11] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu D xác nhận số tiền 1.000.000.000 đồng ông nhận của chị Thoa (vợ ông B) là tiền Công ty thanh toán 05 công trình cho ông D đã thi công tại khu vực H với Công ty, giữa ông và Công ty chưa thanh, quyết toán và chốt nợ. Số tiền 1.000.000.000 đồng trên ông D khẳng định không phải để trả cho công trình nhà 02 tầng, 06 phòng Trường THCS H mà ông K thi công. Mặt khác, tại giấy ứng tiền nội dung không thể hiện số tiền 1.000.000.000 đồng là trả cho ai. Nên không có căn cứ cho rằng số tiền 1.000.000.000 đồng để trả cho ông Vũ Đăng K thực hiện công trình nhà 02 tầng, 06 phòng Trường THCS H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét: Ông Nguyễn Hữu D không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nếu có phát sinh Công ty Cổ phần X sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[12] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan điểm của ông Vũ Đăng K về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đăng K về việc buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ số tiền nợ còn thiếu của công trình xây dựng nhà 2 tầng Trường THCS H theo Bản thanh quyết toán khối lượng công việc ngày 22/11/2013 với tổng số tiền là 569.805.057 đồng; trong đó nợ gốc là 342.730.000 đồng; nợ lãi tính từ tháng ngày 01/2/2014 đến ngày xét xử 10/6/2021 là 2687 ngày $\times (342.730.000 \text{ đồng} \times 9\%) : 365 \text{ ngày} = 227.075.000 \text{ đồng}$.

+ Về án phí:

[13] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Công ty Cổ phần X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty Cổ phần X phải nộp 26.792.202 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo:

[14] Nguyên đơn, bị đơn, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 256; khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 1 Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đăng K: Buộc Công ty Cổ phần X phải trả ông Vũ Đăng K khoản tiền nợ gốc còn thiếu của công trình xây dựng nhà 2 tầng Trường THCS H theo Bản thanh quyết toán khối lượng công việc ngày 22/11/2013 với tổng số tiền là 569.805.057 đồng; cụ thể: Nợ gốc là 342.730.000 đồng; nợ lãi tính từ tháng 2/2014 đến ngày xét xử 10/6/2021 là 2687 ngày x (342.730.000 đồng x 9%) : 365 ngày = 227.075.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Trả lại cho ông Vũ Đăng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.339.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006731 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là [20.000.000 đồng + (4% x 169.805.057 đồng)] = 26.792.202 đồng.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ông Vũ Đăng K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ phần X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng